

Kinh nghiệm quốc tế và vấn đề hoàn thiện chính sách phát triển “kinh tế bạc” ở Việt Nam trong kỷ nguyên số

PGS, TS Phạm Minh Tuấn

Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

08:56, ngày 09-11-2025

TCCS - Trong bối cảnh thế giới bước vào giai đoạn già hóa dân số, “kinh tế bạc” (silver economy) nổi lên như một hướng phát triển tất yếu. Đặc biệt, tiến trình chuyển đổi số hiện nay tạo ra bước ngoặt sâu sắc cho “kinh tế bạc”, mở ra nhiều mô hình mới trong chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi. Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội còn có nhiều thách thức liên quan đến thể chế, an sinh và bình đẳng số, đòi hỏi cần hoàn thiện chính sách để khai thác tiềm năng “kinh tế bạc” ở Việt Nam bền vững và nhân văn trong kỷ nguyên số.

Đặc trưng của nền “kinh tế bạc” trong kỷ nguyên số

Theo Liên hợp quốc, thế giới bước vào giai đoạn già hóa dân số chưa từng có trong lịch sử: đến năm 2050, số người từ 60 tuổi trở lên sẽ vượt mốc 2,1 tỷ, chiếm gần 22% dân số toàn cầu⁽¹⁾. Theo Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Cục Thống kê, Bộ Tài chính), từ năm 2011 nước ta đã chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số, với khoảng 12,6% dân số là người từ 60 tuổi trở lên năm 2024, tương đương khoảng 14,2 triệu người, tăng hơn 2,8 triệu so với năm 2019. Dự báo đến năm 2038, nhóm người từ 60 tuổi trở lên sẽ chiếm khoảng 20% tổng dân số, đánh dấu sự chuyển dịch sâu sắc trong cơ cấu dân số và lực lượng lao động của quốc gia⁽²⁾. Trong bối cảnh đó, “kinh tế bạc” nổi lên như một hướng phát triển tất yếu - bao gồm toàn bộ các ngành, sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần, du lịch, giáo dục và việc làm của người cao tuổi.

Theo Từ điển Oxford Economics, nền “kinh tế bạc” bao gồm mọi hoạt động kinh tế liên quan đến tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ của những người từ 50 tuổi trở lên, cũng như ảnh hưởng kinh tế mà việc tiêu dùng này tạo ra. Khái niệm nền “kinh tế bạc” bắt nguồn từ thuật ngữ “thị trường bạc” xuất hiện ở Nhật Bản, quốc gia có tỷ lệ người trên 65 tuổi cao nhất trong những năm 70 của thế kỷ XX, để chỉ thị trường cho người cao tuổi (NCT), tập hợp các lĩnh vực đa dạng, như y tế, ngân hàng, ô tô, năng lượng, nhà ở, viễn thông, giải trí và du lịch cùng những lĩnh vực khác⁽³⁾.

Đặc trưng nổi bật của “kinh tế bạc” là tính liên ngành và khả năng lan tỏa cao. *Trước hết*, đây là một hệ thống dịch vụ tổng hợp, kết nối các lĩnh vực y tế, an sinh, công nghệ, giáo dục, tài chính, du lịch và văn hóa, hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của NCT. *Thứ hai*, NCT không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia phát triển. Với trình độ, kinh nghiệm và năng lực tích lũy, họ vẫn có thể đóng góp cho nền kinh tế thông qua hoạt động tư vấn, khởi nghiệp, lao động bán thời gian hoặc các hoạt động cộng đồng. *Thứ ba*, “kinh tế bạc” mang tính nhân văn sâu sắc bởi không chỉ giải quyết bài toán tiêu dùng và thị trường, mà còn phản ánh trình độ văn minh xã hội, đạo lý “kính lão” và quan điểm phát triển lấy con người làm trung tâm.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, mối quan hệ giữa công nghệ số và “kinh tế bạc” ngày càng trở nên mật thiết. Chuyển đổi số tạo ra những phương thức hoàn toàn mới để chăm sóc, kết nối và phát huy vai trò của NCT. Các ứng dụng y tế từ xa, thiết bị đeo thông minh, nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ chẩn đoán bệnh hay hệ thống robot chăm sóc đang trở thành xu thế phổ biến ở nhiều nước phát triển. Bên cạnh đó, công nghệ số mở ra cơ hội hình thành các “cộng đồng trực tuyến người cao tuổi”, nơi họ có thể học tập, chia sẻ kinh nghiệm và tham gia hoạt động xã hội. Những mô hình “smart home”, “smart health” hay “smart aging city” giúp cải thiện điều kiện sống, hỗ trợ NCT duy trì sự độc lập, chủ động và kết nối xã hội.

Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đặt ra không ít thách thức đối với phát triển “kinh tế bạc”. Trước hết là nguy cơ bất bình đẳng số: Phần lớn NCT gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ mới, thiếu kỹ năng sử dụng thiết bị và dịch vụ trực tuyến. Tiếp đó là vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, đặc biệt trong lĩnh vực y tế và tài chính. Việc gia tăng phụ thuộc vào công nghệ có thể làm giảm sự tương tác trực tiếp và gắn kết cộng đồng nếu không được điều tiết hợp lý. Ngoài ra, trong khi chuyển đổi số đòi hỏi đầu tư lớn về hạ tầng và nguồn nhân lực, thì nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, vẫn thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích khu vực tư nhân và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực này. Vì vậy, phát triển “kinh tế bạc” trong kỷ nguyên số cần được tiếp cận theo hướng toàn diện, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau” trong quá trình số hóa.

Về cơ sở thực tiễn tại Việt Nam, có thể thấy, tốc độ già hóa dân số đang diễn ra nhanh và mạnh mẽ. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2024 Việt Nam có khoảng 12,6 triệu người từ 60 tuổi trở lên, chiếm 12,6% dân số; dự báo đến năm 2038, tỷ lệ này sẽ vượt 20%, đưa nước ta trở thành quốc gia có dân số “già hóa”⁽⁴⁾. Quá trình này diễn ra nhanh hơn so với nhiều nước có mức thu nhập tương tự, tạo ra áp lực lớn về an sinh xã hội, y tế, lao động và việc làm. Trước thực tế đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách quan trọng, như Luật Người cao tuổi năm 2009; Chiến lược quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030; Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đề cao yếu tố ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ an sinh, y tế, giáo dục và đời sống cho NCT.

Tuy nhiên, các chính sách hiện nay mới chủ yếu tập trung ở khía cạnh phúc lợi, trợ giúp xã hội mà chưa coi “kinh tế bạc” như một ngành kinh tế tổng hợp và có giá trị gia tăng cao. Việc xây dựng khung thể chế, chính sách tài chính, tín dụng, dữ liệu và đổi mới sáng tạo dành riêng cho lĩnh vực này còn thiếu. Hạ tầng số hỗ trợ NCT chưa đồng bộ; các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức xã hội tham gia còn

rời rạc, thiếu cơ chế liên kết công - tư. Nhận thức xã hội về tiềm năng “kinh tế bạc” còn hạn chế, phần lớn vẫn xem NCT là nhóm thụ hưởng an sinh mà chưa nhìn nhận họ như lực lượng kinh tế tích cực.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang lan tỏa mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, việc xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn cho phát triển “kinh tế bạc” tại Việt Nam có ý nghĩa chiến lược. Đây không chỉ là yêu cầu nhân văn, gắn với mục tiêu phát triển con người mà còn là hướng đi mới trong cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng bao trùm, sáng tạo và bền vững. Việc tận dụng kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với thế mạnh công nghệ và chính sách xã hội hóa phù hợp, sẽ giúp Việt Nam sớm hình thành nền “kinh tế bạc số” - nơi tuổi già không còn đồng nghĩa với sự phụ thuộc, mà trở thành một giai đoạn cống hiến, sáng tạo và thịnh vượng mới của cuộc đời.

Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển kinh tế bạc

“Kinh tế bạc” là xu hướng tất yếu trong xã hội hiện đại, khi dân số thế giới bước vào giai đoạn già hóa nhanh chóng. Nhiều quốc gia phát triển đã sớm nhận diện tiềm năng to lớn của thị trường người cao tuổi và ban hành các chiến lược toàn diện nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực này. Trong số đó, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore là những hình mẫu tiêu biểu về cách thức kết hợp giữa chính sách công, công nghệ số và đổi mới sáng tạo để hình thành nền “kinh tế bạc thông minh”, vừa bảo đảm phúc lợi xã hội, vừa tạo động lực tăng trưởng kinh tế bền vững.

Nhật Bản - quốc gia tiên phong trong phát triển “kinh tế bạc”. Nhật Bản là quốc gia có tỷ lệ NCT cao nhất thế giới, chiếm gần 30% dân số vào năm 2024⁽⁵⁾. Đứng trước thách thức già hóa dân số, Nhật Bản đã sớm chuyển hóa khó khăn thành cơ hội thông qua chiến lược phát triển “kinh tế bạc” dựa trên nền tảng công nghệ cao. Chính phủ Nhật Bản xác định “xã hội siêu già hóa” là động lực để phát triển các ngành công nghiệp mới, đặc biệt là công nghệ robot, trí tuệ nhân tạo (AI) và internet vạn vật (IoT).

Một trong những mô hình tiêu biểu là robot chăm sóc NCT, được triển khai rộng rãi tại các trung tâm y tế, viện dưỡng lão và hộ gia đình. Các loại robot như Paro (hình hải cẩu) hay Robear có khả năng hỗ trợ vận động, giao tiếp và theo dõi sức khỏe, giúp giảm tải cho nhân viên y tế và tăng cường tính độc lập cho NCT. Bên cạnh đó, Nhật Bản phát triển các “thành phố thông minh thân thiện với người già” (smart aging city) - nơi hạ tầng, giao thông, y tế, nhà ở và dịch vụ công đều được thiết kế dựa trên công nghệ số, nhằm tối ưu hóa trải nghiệm sống và an toàn cho NCT.

Đặc biệt, Nhật Bản khuyến khích doanh nghiệp tư nhân, viện nghiên cứu và startup tham gia sâu vào lĩnh vực này. Thông qua các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo, miễn giảm thuế và hợp tác công - tư, Nhật Bản đã xây dựng được hệ sinh thái năng động cho “kinh tế bạc”, trong đó doanh nghiệp vừa được hưởng lợi kinh tế, vừa góp phần thực hiện chính sách xã hội. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, thành công của “kinh tế bạc” không chỉ đến từ chính sách an sinh, mà còn từ cách tiếp cận “kinh tế tri thức” - lấy công nghệ, sáng tạo và nhân văn làm trung tâm.

Liên minh châu Âu (EU) tiếp cận theo hướng bền vững và hợp tác công - tư (PPP). EU là khu vực đi đầu trong việc thể chế hóa phát triển kinh tế bạc ở tầm khu vực. Từ năm 2012, EU đã ban hành Chiến lược “Active and Healthy Ageing” (Già hóa năng động và khỏe mạnh), coi đây là trụ cột của chính sách phát triển xã hội và đổi mới công nghệ nhằm giúp công dân EU có cuộc sống khỏe mạnh, năng động và độc lập khi tuổi cao; đồng thời nâng cao tính bền vững và hiệu quả của hệ thống chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội, cũng như thúc đẩy năng lực cạnh tranh của thị trường các sản phẩm và dịch vụ đổi mới trong lĩnh vực này⁽⁶⁾. Trọng tâm của chiến lược là thúc đẩy NCT “sống lâu hơn, khỏe mạnh hơn, độc lập hơn” thông qua việc ứng dụng công nghệ số, phát triển dịch vụ chăm sóc thông minh và tạo điều kiện để họ tiếp tục tham gia thị trường lao động.

Thông qua các chương trình như Horizon 2020 và Horizon Europe, EU tài trợ nhiều dự án nghiên cứu công nghệ hỗ trợ NCT, bao gồm AI trong chẩn đoán bệnh, nền tảng y tế số xuyên biên giới, các giải pháp nhà ở thông minh và du lịch thân thiện với người già. Bên cạnh đó, EU đẩy mạnh mô hình hợp tác công - tư, trong đó nhà nước định hướng chiến lược, ban hành khung pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật, còn doanh nghiệp và viện nghiên cứu đảm nhận triển khai sản phẩm, dịch vụ.

Điểm nổi bật trong chính sách cho NCT của EU là sự gắn kết giữa “kinh tế bạc” và kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững. Các sáng kiến như “Silver Economy Awards” không chỉ tôn vinh đổi mới sáng tạo, mà còn khuyến khích việc thiết kế các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và bảo đảm quyền tiếp cận công nghệ cho mọi tầng lớp xã hội. Mô hình này giúp EU thúc đẩy tăng trưởng, củng cố hệ giá trị nhân văn và bao trùm - điều mà Việt Nam có thể tham khảo khi thiết kế chính sách.

Hàn Quốc và Singapore - mô hình kết hợp giữa công nghệ số và phúc lợi xã hội. Hàn Quốc là quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất châu Á, song lại nằm trong nhóm dẫn đầu thế giới về chuyển đổi số. Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai Chiến lược “Digital Care”, phát triển hệ thống nền tảng số kết nối người cao tuổi với cơ sở y tế, dịch vụ chăm sóc và cơ hội việc làm tại nhà. Các ứng dụng di động và thiết bị đeo thông minh cho phép theo dõi sức khỏe theo thời gian thực, hỗ trợ chẩn đoán sớm và điều trị từ xa. Song song đó, các trung tâm “Silver Job Center” được thành lập nhằm cung cấp cơ hội việc làm linh hoạt cho NCT, giúp họ duy trì thu nhập và tiếp tục đóng góp kinh nghiệm cho xã hội.

Singapore, với tầm nhìn quốc gia “Smart Nation for All Ages”, đã lồng ghép chính sách phát triển NCT vào toàn bộ Chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Chính phủ nước này đầu tư mạnh vào các khu dân cư thông minh (Smart HDB) với thiết bị cảm biến, hệ thống cảnh báo an toàn và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tích hợp. Đồng thời, chương trình “Digital for Life” hỗ trợ người cao tuổi học kỹ năng số, sử dụng

dịch vụ công trực tuyến và tham gia thương mại điện tử. Chính sách phúc lợi được thiết kế linh hoạt, kết hợp ngân sách nhà nước với các quỹ cộng đồng và doanh nghiệp xã hội, bảo đảm tính bền vững lâu dài.

Từ kinh nghiệm của các quốc gia trên, có thể rút ra một số bài học quan trọng cho Việt Nam.

Trước hết, tầm nhìn chiến lược cần chuyển từ tư duy an sinh sang tư duy phát triển: Coi NCT là nguồn lực xã hội, là chủ thể sáng tạo và tiêu dùng, không chỉ là đối tượng bảo trợ.

Thứ hai, Nhà nước phải đóng vai trò dẫn dắt chính sách, xây dựng khung thể chế rõ ràng, đồng thời khuyến khích khu vực tư nhân và khởi nghiệp sáng tạo, tham gia phát triển sản phẩm và dịch vụ dành cho NCT.

Thứ ba, cần đầu tư đồng bộ vào hạ tầng số, công nghệ hỗ trợ và nguồn nhân lực, đặc biệt là dữ liệu số hóa về dân số, y tế, an sinh và nhu cầu dịch vụ của NCT.

Thứ tư, chính sách phát triển “kinh tế bạc” ở Việt Nam phải đặt trên nền tảng nhân văn - bao trùm - đổi mới sáng tạo, kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống “kính lão” và yêu cầu của nền kinh tế số hiện đại.

Những bài học này không chỉ gợi mở hướng đi cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện chính sách phát triển “kinh tế bạc”, mà còn khẳng định, già hóa dân số không phải là gánh nặng, mà có thể trở thành động lực phát triển mới nếu được quản trị bằng tư duy chiến lược, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thực trạng và những vấn đề đặt ra ở Việt Nam

Trong những năm qua, Việt Nam đạt được nhiều tiến bộ quan trọng trong công tác chăm sóc, phát huy vai trò NCT. Các văn bản pháp luật, như Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12, ngày 23-11-2009; Quyết định số 1679/QĐ-TTg, ngày 22-11-2019, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030;

Quyết định số 2156/QĐ-TTg, ngày 21-12-2021, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030... đã khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc bảo đảm an sinh và nâng cao chất lượng sống cho nhóm dân số này. Tuy nhiên, phần lớn các chính sách vẫn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực an sinh xã hội, y tế và phúc lợi, chưa định hướng rõ ràng đến việc hình thành và phát triển “kinh tế bạc” (silver economy) như một thành tố của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh già hóa dân số nhanh.

Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011; dự báo đến năm 2036, nước ta sẽ trở thành quốc gia có dân số già, với khoảng 20% dân số trên 60 tuổi⁽⁷⁾. Mặc dù vậy, hiện nay, các chính sách vẫn còn thiếu tầm nhìn tích hợp giữa kinh tế, công nghệ và xã hội, chưa khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân, startup hay doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia thị trường sản phẩm, dịch vụ cho NCT. Do đó, “kinh tế bạc” vẫn là một khái niệm mới mẻ trong quản lý nhà nước và hoạch định chính sách ở Việt Nam.

Thứ nhất, thiếu khung thể chế liên ngành là rào cản lớn. Các nội dung liên quan đến NCT hiện nay nằm rải rác trong nhiều chính sách riêng lẻ (như y tế, lao động, văn hóa, giáo dục...) mà chưa có định hướng tổng thể mang tính chiến lược về phát triển “kinh tế bạc” như một ngành kinh tế - xã hội mới.

Thứ hai, thiếu hệ thống dữ liệu và hạ tầng số chuyên biệt phục vụ NCT. Việt Nam hiện chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia về NCT, khiến việc xây dựng chính sách dựa trên dữ liệu (data-driven policy) gặp khó khăn. Các nền tảng công nghệ, dịch vụ thông minh dành cho NCT vẫn trong giai đoạn thử nghiệm, chưa có quy mô thương mại hóa.

Thứ ba, thị trường dịch vụ và sản phẩm cho NCT chưa phát triển. NCT Việt Nam sống dựa vào con cái, ít có khả năng chi trả cho các dịch vụ chăm sóc hoặc giải

trí cao cấp. Cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này còn thiếu, nhất là về ưu đãi thuế, tín dụng và đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, nhận thức xã hội vẫn còn nặng tính “an sinh”. Nhiều người vẫn xem NCT là nhóm yếu thế cần trợ cấp, thay vì là nguồn lực xã hội quý giá có thể tham gia lao động, tư vấn, đào tạo và tiêu dùng. Điều này khiến việc xây dựng “kinh tế bạc” chưa được nhìn nhận đúng tầm, cả trong hoạch định chính sách và trong hành động của các chủ thể kinh tế.

Mặc dù còn thách thức, Việt Nam đứng trước nhiều thời cơ thuận lợi để phát triển “kinh tế bạc” trong kỷ nguyên số. Việc ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến NCT, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia... tạo nền tảng quan trọng để hình thành các hệ sinh thái số cho NCT. Các công nghệ AI, IoT, robot chăm sóc thông minh, y tế từ xa (telemedicine) hay nền tảng thương mại điện tử thân thiện với NCT mở ra thị trường tiềm năng để đóng góp vào sự phát triển kinh tế đất nước. Nếu được định hướng đúng đắn, Việt Nam hoàn toàn có thể chuyển “gánh nặng dân số già” thành động lực phát triển mới, đưa NCT thành lực lượng tiêu dùng và tham gia tích cực của nền kinh tế số. Đây chính là thời điểm để Nhà nước xem xét hoàn thiện thể chế, xây dựng chiến lược “kinh tế bạc” gắn với đổi mới sáng tạo, bao trùm và phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện. Phát triển “kinh tế bạc” cần được tiếp cận theo hướng kinh tế tri thức - kinh tế số - nhân văn và bao trùm, trong đó người cao tuổi được coi là chủ thể tích cực của tiến trình phát triển, chứ không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách. Điều đó đòi hỏi Nhà nước sớm ban hành chính sách tổng thể và khung thể chế liên ngành về “kinh tế bạc”, khuyến khích khu vực tư nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp và các tổ chức xã hội cùng tham gia.

Giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển “kinh tế bạc” ở Việt Nam trong kỷ nguyên số

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định, cần “phát huy nhân tố con người, coi con người vừa là trung tâm, vừa là chủ thể, là nguồn lực quan trọng nhất của phát triển”⁽⁸⁾, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, gắn với phát triển kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Từ đó, “kinh tế bạc” cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số và Nhà nước số.

Một là, cần sớm xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế bạc đến năm 2035, do Chính phủ chủ trì, với sự phối hợp của các bộ, ngành. Chiến lược này phải xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên như y tế số, giáo dục suốt đời, việc làm linh hoạt, tiêu dùng xanh và công nghệ hỗ trợ người cao tuổi; đồng thời quy định cụ thể cơ chế huy động vốn xã hội hóa và khung chính sách khuyến khích doanh nghiệp, mô hình hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển dịch vụ cho NCT. Đây cần được xem là nền tảng chính sách tổng thể, lồng ghép mục tiêu kinh tế bạc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Song song đó, cần hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế số gắn với NCT, như dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà thông minh, nền tảng kết nối việc làm cho người nghỉ hưu hay trung tâm công nghệ hỗ trợ người già. Việc ban hành bộ tiêu chuẩn an toàn dữ liệu, tiêu chuẩn thiết kế sản phẩm và dịch vụ thân thiện, bao trùm là cần thiết để bảo đảm quyền tiếp cận công nghệ công bằng, an toàn cho NCT, đồng thời thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực này.

Hai là, cần xây dựng cơ chế khuyến khích tài chính, thuế và tín dụng dành cho doanh nghiệp và các startup hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc, y tế, du lịch, giáo dục, tiêu dùng và công nghệ dành cho NCT. Có thể xem xét thành lập Quỹ đổi mới sáng tạo về “kinh tế bạc” (Silver Startup Fund), hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thông qua mô hình xã hội hóa với nguồn “vốn môi” từ Nhà nước và phần vốn đối ứng từ khu vực tư nhân. Đây sẽ là công cụ chính sách quan trọng nhằm kích thích thị trường và huy động nguồn lực xã hội trong phát triển “kinh tế bạc”.

Ba là, về phương diện công nghệ, cần coi chuyển đổi số là động lực then chốt của “kinh tế bạc”. Việt Nam nên phát triển nền tảng số chuyên biệt cho NCT, tích hợp dữ liệu về y tế, chăm sóc, việc làm, học tập suốt đời và tiêu dùng thông minh; đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ trong nước thiết kế sản phẩm, ứng dụng và thiết bị thông minh dễ sử dụng, thân thiện với người lớn tuổi. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các quốc gia, khu vực có kinh nghiệm như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU thông qua hợp tác song phương, chương trình ODA và dự án nghiên cứu chung là hướng đi cần thiết, đặc biệt trong các lĩnh vực robot hỗ trợ chăm sóc, AI y tế và nhà thông minh. Cùng với đó, đầu tư hạ tầng kết nối 5G, dữ liệu mở và an ninh mạng cần đẩy mạnh, bảo đảm NCT trên toàn quốc đều được tiếp cận dịch vụ số an toàn, thuận tiện.

Bốn là, phát triển “kinh tế bạc” đòi hỏi đào tạo đội ngũ chuyên biệt, gồm chuyên gia lão khoa, kỹ sư công nghệ y sinh, nhân viên chăm sóc có kỹ năng số, “công dân cao tuổi kỹ thuật số” biết chủ động học tập, làm việc và tiêu dùng trên nền tảng công nghệ. Các trường đại học, học viện cần tích hợp nội dung “già hóa dân số” và “kinh tế bạc” vào chương trình đào tạo, đồng thời bồi dưỡng năng lực hoạch định chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

Năm là, đổi mới công tác truyền thông và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của NCT. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục vấn đề “già hóa tích cực” (active ageing), khuyến khích NCT tham gia học tập, lao động, khởi nghiệp và sáng tạo. Việc xây dựng hình ảnh NCT năng động, làm chủ công nghệ sẽ góp phần thay đổi tư duy truyền thống, biến nhóm dân số này từ “đối tượng thụ hưởng” thành “chủ thể đóng góp” cho phát triển quốc gia trong thời kỳ chuyển đổi số. Tăng cường nghiên cứu chính sách, công bố khoa học và đối thoại học thuật về vấn đề “kinh tế bạc”, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách.

Trong thời kỳ chuyển đổi số, “kinh tế bạc” không chỉ mang ý nghĩa bảo đảm an sinh mà còn là nguồn động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế Việt Nam - nơi

tri thức, công nghệ và giá trị nhân văn hội tụ để kiến tạo một xã hội “già hóa tích cực”, phát triển bao trùm và bền vững cho mọi thế hệ. Phát triển “kinh tế bạc” trong kỷ nguyên số là yêu cầu tất yếu, cơ hội để Việt Nam hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm. Việc hoàn thiện thể chế, đầu tư công nghệ, khuyến khích sáng tạo và thay đổi nhận thức xã hội sẽ giúp Việt Nam biến thách thức già hóa dân số thành động lực tăng trưởng mới - một “làn sóng bạc” tích cực, nhân văn và giàu tiềm năng kinh tế. Trong bối cảnh già hóa dân số diễn ra nhanh chóng, “làn sóng bạc” đặt ra thách thức về an sinh, chăm sóc sức khỏe và thị trường lao động, mở ra không gian phát triển mới cho sáng tạo, công nghệ và tăng trưởng bền vững. Với Việt Nam - quốc gia đang bước vào giai đoạn già hóa sớm, việc nhận diện và chủ động phát triển “kinh tế bạc” là yêu cầu cấp thiết, gắn liền với mục tiêu phát triển con người toàn diện mà Đảng ta đã xác định./.

(1) World Health Organization (WHO): Ageing and health, <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/ageing-and-health>

(2) Lê Nga: Dân số Việt Nam tiếp tục già hóa, *Báo điện tử VnExpress*, ngày 9-1-2025, <https://vnexpress.net/dan-so-viet-nam-tiep-tuc-gia-hoa-4837035.html>

(3) Oxford Economics: The Longevity Economy - How People Over 50 Are Driving Economic and Social Value (tạm dịch: Nền kinh tế trường thọ - cách mà người trên 50 tuổi thúc đẩy giá trị kinh tế và xã hội), 13 Sep 2016, <https://www.oxfordeconomics.com/resource/the-longevity-economy/>

(4) Tổng cục Thống kê: Kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024, Hà Nội, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>

(5) Cục Thống kê, Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản: Ước tính dân số hiện tại tính đến ngày 1 tháng 10 năm 2024, <https://www.stat.go.jp/english/data/jinsui/2024np/index.html>

(6) European Commission: Taking forward the Strategic Implementation Plan of the European Innovation Partnership on Active and Healthy Ageing, COM(2012) 83 final, Brussels, <https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/5365539b-972d-11e5-983e-01aa75ed71a1>

(7) Tổng cục Thống kê: *Niên giám Thống kê Việt Nam 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2024

(8) *Văn kiện đại hội toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 215 - 216